

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về cơ cấu tổ chức quản lý, bảo vệ đề điều và phân cấp công tác quản lý duy tu, bảo dưỡng đề điều trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đề điều số 79/2006/QH11;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đề điều số 60/2020/QH14;

Căn cứ Luật Phòng thủ dân sự số 18/2023/QH15;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đề điều;

Căn cứ Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai và Nghị định số 63/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Thông tư số 26/2009/TT-BNN ngày 11 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) hướng dẫn về cơ cấu tổ chức, nguồn kinh phí và chế độ thù lao đối với lực lượng quản lý đề nhân dân;

Căn cứ Thông tư số 68/2020/TT-BTC ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí chi thường xuyên thực hiện duy tu, bảo dưỡng đề điều và xử lý cấp bách sự cố đề điều;

Căn cứ Thông tư số 18/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đề điều và phòng, chống thiên tai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 6882/TTr-SNNMT ngày 25 tháng 11 năm 2025, Công văn số 7809/SNNMT-TL ngày 10 tháng 12 năm 2025; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 187/BC-STP ngày 05 tháng 11 năm 2025, Công văn số 1217/STP-XD&TDTHPL ngày 21 tháng 11 năm 2025 và ý kiến thống nhất của thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy định về cơ cấu tổ chức quản lý, bảo vệ đê điều và phân cấp công tác quản lý duy tu, bảo dưỡng đê điều trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về cơ cấu tổ chức quản lý, bảo vệ đê điều và phân cấp công tác quản lý duy tu, bảo dưỡng đê điều trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11 tháng 01 năm 2026.
2. Quyết định số 41/2023/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc phân cấp công tác quản lý duy tu, bảo dưỡng hệ thống đê điều trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và Quyết định số 45/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành Quy định về tổ chức quản lý và bảo vệ đê điều trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tư pháp, Tài chính, Xây dựng; Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Quảng Ngãi và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục KTVB và QLXLVPHC, Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế, Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Quản lý đê điều và PCTT, Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Quảng Ngãi;
- VPUB: Các PCVP;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT.NVH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ THỦ TỊCH



Đỗ Tâm Hiền



QUY ĐỊNH

Về cơ cấu tổ chức quản lý, bảo vệ đê điều và phân cấp công tác quản lý
duy tu, bảo dưỡng đê điều trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi
(Ban hành kèm theo Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND
ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về cơ cấu tổ chức quản lý, bảo vệ đê điều và phân cấp công tác quản lý duy tu, bảo dưỡng đê điều trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi được đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước đã được đưa vào khai thác, sử dụng.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có hoạt động liên quan đến đê điều trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Phạm vi bảo vệ đê điều

1. Phạm vi bảo vệ đê điều được xác định theo quy định tại khoản 1 Điều 23 của Luật Đê điều.

2. Hành lang bảo vệ đê được quy định như sau:

a) Hành lang bảo vệ đê đối với đê cấp đặc biệt, cấp I, cấp II, cấp III và hành lang bảo vệ đối với kè bảo vệ đê, công qua đê thực hiện theo quy định tại Điều 23 của Luật Đê điều.

b) Hành lang bảo vệ đê đối với đê cấp IV, cấp V:

- Các vị trí đê đi qua khu dân cư có mật độ dân số cao, khu đô thị và khu du lịch thì hành lang bảo vệ đê được tính từ chân đê trở ra 5 mét về phía sông và phía đồng.

Riêng, đối với các vị trí đê đi qua khu dân cư, khu đô thị và khu du lịch được quy hoạch mới thì hành lang bảo vệ đê tính từ chân đê trở ra về phía đồng do UBND tỉnh quyết định nhưng không nhỏ hơn 5 mét.

- Các vị trí đê khác (đê không đi qua khu dân cư có mật độ dân số cao, khu đô thị và khu du lịch) thì hành lang bảo vệ đê được tính từ chân đê trở ra

10 mét về phía đông; 20 mét về phía sông đối với đê sông, đê cửa sông và 200 mét về phía biển đối với đê biển.

Điều 3. Lực lượng quản lý và bảo vệ đê điều

1. Đối với đê cấp đặc biệt, cấp I, cấp II và cấp III: Do lực lượng chuyên trách quản lý đê điều trực tiếp quản lý và bảo vệ theo quy định tại Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đê điều.

2. Đối với đê cấp IV, cấp V: Do lực lượng quản lý đê nhân dân trực tiếp quản lý và bảo vệ theo Quy định này.

Chương II

QUY ĐỊNH QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ ĐÊ ĐIỀU CỦA LỰC LƯỢNG QUẢN LÝ ĐÊ NHÂN DÂN

Điều 4. Cơ cấu tổ chức lực lượng quản lý đê nhân dân

1. Lực lượng quản lý đê nhân dân do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập, không thuộc biên chế nhà nước, được tổ chức hoạt động theo địa bàn từng xã, phường, đặc khu (gọi tắt là cấp xã).

2. Các tuyến đê cấp IV, cấp V nằm trên địa bàn xã nào thì do lực lượng quản lý đê nhân dân thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã đó trực tiếp quản lý, bảo vệ.

3. Định mức biên chế quản lý đê nhân dân:

a) Một người quản lý trực tiếp 3km đối với các tuyến đê cấp V và 2km đối với các tuyến đê cấp IV.

b) Trường hợp các tuyến đê cấp IV, V chưa đủ số lượng chiều dài quy định tại điểm a, khoản 3 điều này và nằm trong phạm vi một xã thì được bố trí một người để quản lý, bảo vệ.

Điều 5. Nhiệm vụ của lực lượng quản lý đê nhân dân

1. Trực tiếp quản lý, bảo vệ các tuyến đê cấp IV, cấp V nằm trên địa bàn xã, phường, đặc khu nơi lực lượng quản lý đê nhân dân trực thuộc.

2. Chịu sự quản lý, điều hành của Ủy ban nhân dân cấp xã và hướng dẫn về mặt chuyên môn, nghiệp vụ của Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã và Chi cục Thủy lợi thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi.

3. Kiểm tra, phát hiện, báo cáo kịp thời tình trạng đê điều, các diễn biến hư hỏng, sự cố đê điều.

4. Phát hiện, ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về đê điều.

5. Lập biên bản và kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về đê điều.

6. Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về đê điều, vận động Nhân dân thực hiện pháp luật về đê điều.

7. Tham gia với cơ quan chuyên môn xây dựng phương án hộ đê, phòng, chống thiên tai.

8. Tham gia quản lý và bảo vệ cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ công tác quản lý, bảo vệ đê điều và hộ đê như: điểm canh đê; vật tư dự trữ chống lũ, lụt, bão; biển báo đê điều; cột chỉ giới; cây chắn sóng bảo vệ đê và các công trình phụ trợ khác.

9. Nhân viên quản lý đê nhân dân khi làm nhiệm vụ phải đeo băng đỏ có chữ “QLĐND” màu vàng trên cánh tay trái.

Điều 6. Chế độ và nội dung báo cáo của lực lượng quản lý đê nhân dân

1. Lực lượng quản lý đê nhân dân có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã định kỳ một tháng hai lần vào ngày 01 và ngày 15 hàng tháng về tình trạng đê điều, các công trình phòng, chống thiên tai, tình trạng vật tư dự trữ phòng chống thiên tai trên địa bàn được giao.

2. Lực lượng quản lý đê nhân dân khi làm nhiệm vụ, phát hiện hành vi vi phạm pháp luật về đê điều hoặc hư hỏng, sự cố đê điều phải bằng mọi cách (trong vòng 24 giờ) báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp xã để tiến hành xử lý kịp thời.

3. Nội dung báo cáo khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật về đê điều hoặc hư hỏng, sự cố đê điều:

- a) Thời gian phát hiện vi phạm hoặc hư hỏng, sự cố đê điều;
- b) Vị trí, mức độ, đặc điểm, kích thước, diễn biến vi phạm hoặc hư hỏng, sự cố đê điều, đề xuất biện pháp xử lý;

4. Trường hợp phát hiện vi phạm hoặc hư hỏng, sự cố nguy hiểm có nguy cơ đe dọa đến an toàn đê điều, phải có biện pháp ngăn chặn kiên quyết và báo cáo gấp cho cơ quan chức năng để xử lý kịp thời.

Điều 7. Nguồn kinh phí và chế độ chính sách đối với lực lượng quản lý đê nhân dân

1. Lực lượng quản lý đê nhân dân được hưởng thù lao hàng tháng bằng 0,8 lần mức lương cơ sở theo quy định hiện hành của nhà nước.

2. Lực lượng quản lý đê nhân dân được tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ về quản lý, bảo vệ đê điều và hộ đê.

3. Lực lượng quản lý dê nhân dân được trang bị một năm một lần bảo hộ lao động khi làm nhiệm vụ (áo mưa, ủng, mũ cứng, đèn pin, sổ ghi chép, bút,...) và được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định hiện hành trong trường hợp bị tai nạn khi làm nhiệm vụ.

4. Nguồn kinh phí duy trì hoạt động của lực lượng quản lý dê nhân dân sử dụng từ Quỹ phòng, chống thiên tai tại cấp xã theo quy định tại Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 63/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ, Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ và ngân sách địa phương đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước. Trường hợp nguồn kinh phí từ Quỹ phòng, chống thiên tai không đảm bảo kinh phí hoạt động (*trang bị bảo hộ lao động và thù lao hàng tháng của lực lượng quản lý dê nhân dân*) thì Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, hỗ trợ từ ngân sách.

Chương III

PHÂN CẤP CÔNG TÁC QUẢN LÝ DUY TU, BẢO DƯỠNG ĐÊ ĐIỀU

Điều 8. Nguyên tắc phân cấp công tác quản lý duy tu, bảo dưỡng đê điều

1. Bảo đảm tất cả đê điều trên địa bàn tỉnh do nhà nước đầu tư, quản lý đều được phân cấp công tác quản lý duy tu, bảo dưỡng theo quy định của pháp luật.
2. Việc phân cấp công tác quản lý duy tu, bảo dưỡng đê điều phải bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao của từng cơ quan, đơn vị; bảo đảm tính thống nhất, hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước.

Điều 9. Phân cấp công tác quản lý duy tu, bảo dưỡng đê điều

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường quản lý duy tu, bảo dưỡng các tuyến đê cấp IV và cấp V trên địa bàn 02 xã trở lên.
2. Sở Xây dựng quản lý duy tu, bảo dưỡng phần mặt đê đã cải tạo để kết hợp làm đường giao thông gồm:
 - a) Đê Quỳnh Lưu - Quang Mỹ kết hợp làm đường Quốc lộ 24B.
 - b) Các tuyến đê đã cải tạo để kết hợp làm đường quốc lộ, đường tỉnh được cấp có thẩm quyền giao quản lý sau khi xây dựng hoàn thành, đưa vào sử dụng.
3. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu (cấp xã) quản lý duy tu, bảo dưỡng các tuyến đê cấp IV và cấp V trong phạm vi 01 xã; các tuyến đê đã cải tạo để kết hợp làm đường giao thông do cấp xã quản lý.

Điều 10. Tổ chức thực hiện phân cấp công tác quản lý duy tu, bảo dưỡng đê điều

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về duy tu, bảo dưỡng đê điều theo quy định của pháp luật. Căn cứ quy định này và các quy định của pháp luật có liên quan hướng dẫn các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan tổ chức lập hồ sơ các công trình đê điều để bàn giao nguyên trạng cho đơn vị được phân cấp quản lý duy tu, bảo dưỡng (đối với những công trình chưa được phân cấp quản lý nếu có).

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương liên quan lập kế hoạch duy tu, bảo dưỡng đê điều trên địa bàn tỉnh hàng năm theo quy định.

c) Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh định kỳ hoặc đột xuất khi có sự thay đổi về hiện trạng công trình, thực trạng quản lý duy tu, bảo dưỡng đê điều.

d) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp xã có liên quan thực hiện việc lắp đặt biển báo giới hạn tải trọng đối với xe cơ giới đi trên đê kết hợp làm đường giao thông.

2. Sở Xây dựng phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc thực hiện việc lắp đặt biển báo giới hạn tải trọng đối với xe cơ giới đi trên đê kết hợp làm đường giao thông do mình quản lý.

3. Sở Tài chính

Hàng năm, trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh được giao nhiệm vụ quản lý duy tu, bảo dưỡng hệ thống đê điều lập dự toán kinh phí gửi Sở Tài chính thẩm tra, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí ngân sách phù hợp với khả năng cân đối ngân sách để thực hiện.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Hàng năm, tổ chức lập, chấp hành dự toán và quyết toán kinh phí duy tu, bảo dưỡng và xử lý sự cố đê điều được phân cấp quản lý duy tu, bảo dưỡng đúng quy định hiện hành.

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng trong việc thực hiện việc lắp đặt biển báo giới hạn tải trọng đối với xe cơ giới đi trên đê kết hợp làm đường giao thông do mình quản lý.

c) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc duy tu, bảo dưỡng đê điều trên địa bàn quản lý.

d) Huy động lực lượng tại địa phương và lực lượng quản lý đê nhân dân, phối hợp với lực lượng chuyên trách quản lý đê điều tuần tra, canh gác bảo vệ đê điều trong mùa mưa, bão hoặc khi có triều cường dâng cao ảnh hưởng đến an toàn hệ thống đê điều trên địa bàn quản lý để kịp thời phát hiện, tổ chức xử lý sự cố đê điều theo quy định ngay từ giờ đầu.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐÊ ĐIỀU

Điều 11. Trách nhiệm và thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đê

1. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thực hiện quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 43 của Luật Đê điều (trừ nhiệm vụ thanh tra) đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 16 Điều 13 của Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch và các nội dung sau:

a) Tổ chức lực lượng quản lý đê nhân dân thuộc địa bàn. Trực tiếp quản lý và chỉ đạo hoạt động của lực lượng quản lý đê nhân dân theo quy định tại Quy định này và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến công tác quản lý, bảo vệ đê điều;

b) Chỉ đạo phòng chức năng thuộc Ủy ban nhân dân xã phối hợp với Chi cục Thủy lợi để tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý, bảo vệ đê điều và hộ đê cho lực lượng quản lý đê nhân dân;

c) Hàng năm, tổng hợp báo cáo về tình hình đê điều trên địa bàn theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh và hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và Môi trường;

d) Thực hiện chế độ thù lao và các chế độ, chính sách đối với lực lượng quản lý đê nhân dân theo Quy định này và các quy định của Nhà nước có liên quan.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 12. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường

1. Chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đê tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập lực lượng quản lý đê nhân dân theo Quy định này và quy định của pháp luật của Nhà nước có liên quan.

2. Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đê để tổ chức, hướng dẫn hoạt động của lực lượng quản lý đê nhân dân.

3. Chỉ đạo Chi cục Thủy lợi phối hợp với phòng Kinh tế (hoặc phòng Kinh tế, Hạ tầng và đô thị) thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý, bảo vệ đê điều và hộ đê cho lực lượng quản lý đê nhân dân.

4. Kiểm tra việc thực hiện các chính sách, chế độ về đê điều; giải quyết theo thẩm quyền các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về hành vi vi phạm pháp luật về đê điều.

5. Hàng năm, chủ trì và phối hợp với các Sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đê tổ chức đánh giá, tổng hợp rút kinh nghiệm trong công tác quản lý, bảo vệ đê điều, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo dõi, chỉ đạo.

Điều 13. Trách nhiệm của các Sở, ngành có liên quan

1. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp cùng Sở Nông Nghiệp và Môi trường và Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức xây dựng, thực hiện quy hoạch mạng lưới giao thông phù hợp với hệ thống đê điều (đê có kết hợp giao thông) trên địa bàn toàn tỉnh; tổ chức xây dựng, kiểm tra việc thực hiện quy hoạch đô thị, khu dân cư, khu công nghiệp nằm ven sông, ven biển phù hợp với quy định của Luật Đê điều và các quy định hiện hành của Nhà nước liên quan.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp cùng Sở Nông Nghiệp và Môi trường và các địa phương liên quan phân bổ nguồn kinh phí và thực hiện các chế độ chính sách đối với nhân viên quản lý đê nhân dân theo quy định của Luật Ngân sách.

3. Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường chỉ đạo việc ngăn chặn các hành vi xâm phạm, phá hoại, gây mất an toàn cho các công trình đê điều trên địa bàn; tham gia ứng cứu và khắc phục hậu quả khi công trình đê điều xảy ra sự cố.

4. Các sở, ngành có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình phối hợp cùng Sở Nông nghiệp và Môi trường, các cấp chính quyền địa phương tuyên truyền, vận động và tham gia thực hiện tốt các quy định của Nhà nước về quản lý, bảo vệ an toàn đê điều trên địa bàn tỉnh.

Chương V

KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 14. Khen thưởng

Những tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện quản lý, bảo vệ đê điều, ngăn chặn các hành vi phá hoại công trình đê điều thì được khen thưởng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 15. Xử lý vi phạm

Các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm các quy định về quản lý, bảo vệ đê điều thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm đều sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

**Chương VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH****Điều 16. Tổ chức thực hiện**

Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành liên quan; Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đê và các tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ quản lý, bảo vệ đê điều và được phân cấp công tác quản lý duy tu, bảo dưỡng đê điều có trách nhiệm thực hiện quy định này.

Điều 17. Sửa đổi bổ sung

Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có vấn đề phát sinh cần sửa đổi, bổ sung, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài chính và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan kịp thời báo cáo, đề xuất gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.
